

Bản án số: 118/2020/DS-ST

Ngày: 24/8/2020.

V/v tranh chấp “*Hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**.

- Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông **Trịnh Văn Bé**;

2. Ông **Ngô Văn Mừng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm** là thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M – tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2020/TLST- DS ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 408/2020/QĐST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Thu B, sinh năm 1958; địa chỉ: số 19, đường N H C, ấp T, thị trấn C M, huyện C M, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1946; bà Trần Thị C, sinh năm 1950; địa chỉ: ấp L P2, xã L Đ B, huyện C M, tỉnh An Giang (có mặt).

Ông M bà C ủy quyền cho bà Lê Thị C, sinh năm 1962: địa chỉ: ấp LP2, xã L Đ B, huyện C M, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải được và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Thu B trình bày: Do chỗ quen biết với ông M, bà C bà có cho ông M, bà C vay tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 29/8/2014 vay số tiền 50.000.000 đồng

Lần 02: Vào ngày 07/9/2014 vay số tiền 50.000.000 đồng

Lần 03: Vào ngày 15/12/2014 vay số tiền 50.000.000 đồng

Lần 04: vào ngày 11/4/2015 vay số tiền 40.000.000 đồng.

Tổng cộng các lần vay là 190.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng 3%/ tháng, mục đích vay thuê đất trồng cỏ chăn nuôi bò, ông M, bà C nhận tiền trực tiếp, hai bên có làm biên nhận, khi nào bà Thu B cần lấy vốn lại thì cho hay trước 02 tháng. Từ khi vay đến nay ông M, bà C không đóng lãi và cũng không trả vốn. Nay bà Thu B yêu cầu ông M, bà C có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay 190.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 22/6/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Người đại diện ủy quyền của ông M, bà C là bà Lê Thị C trình bày: Ông M bà C thừa nhận có vay của bà Thu B tổng số tiền 190.000.000 đồng, mục đích vay để sinh hoạt gia đình hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng 3%/ tháng, bà C ông M có đóng được số tiền lãi 90.000.000 đồng, yêu cầu áp dụng thời hiệu để điều chỉnh lãi vào số tiền vốn 190.000.000 đồng. việc đóng lãi tuy không làm giấy tờ nhưng phía ông M, bà C xác định là có đóng lãi cho bà Thu B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Từ ngày 29/8/2014 đến ngày 11/4/2015, bà Lê Thị Thu B có cho bà Trần Thị C, ông Huỳnh Văn M vay tổng cộng 190.000.000 đồng, có lập biên nhận nợ, lãi suất thỏa thuận 03%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Từ khi vay đến nay, bà B chưa nhận lãi. Nay, bà B yêu cầu bà C, ông M trả 190.000.000 đồng. Rút lại yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, bà C, ông M thừa nhận còn nợ bà B 190.000.000 đồng nhưng đã trả lãi 90.000.000 đồng, yêu cầu áp dụng thời hiệu và điều chỉnh số tiền lãi đã nộp vào tiền vốn 190.000.000 đồng.

Xét thấy, căn cứ bà B khởi kiện các biên nhận nợ thể hiện nội dung “*ông M, bà C có vay mượn của bà B với tổng số tiền 190.000.000 đồng*”, có chữ ký của ông M, bà C và tại biên bản hòa giải ngày 22/6/2020 của Bn ấp Long Phú 2, xã Long Điền B, bà C thừa nhận có nợ bà B 190.000.000 đồng. Do bà C, ông M vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc bà B yêu cầu bà C, ông M trả 190.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Về lãi suất, bà B rút lại yêu cầu tính lãi suất nên cần đình chỉ theo Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, phía ông M, bà C cho rằng đã trả lãi 90.000.000 đồng, yêu cầu áp dụng thời hiệu và điều chỉnh số tiền lãi đã nộp, bà B không thừa nhận có nhận lãi 90.000.000 đồng, ông M, bà C không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, Bộ luật dân sự, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu B.
- Buộc bà Trần Thị C và ông Huỳnh Văn M có nghĩa vụ trả bà Lê Thị Thu B số tiền 190.000.000 đồng.
- Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Lê Thị Thu B.

Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ bà ông Huỳnh Văn M, bà Trần Thị C đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng bà không đến và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án xem xét. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Trần Thị C, ông Huỳnh Văn M có nơi cư trú tại ấp Long Phú 2, xã Long Điền B, huyện C M, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Qua lời trình bày của bà Thu B và các tài liệu chứng cứ cung cấp, qua quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định giữa bà Thu B với bà C, ông M có thỏa thuận với nhau việc vay tiền trong tất cả 04 lần vay tổng số tiền 190.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, mục đích vay để thuê đất trồng cỏ chăn nuôi bò, vay không nói thời hạn trả, khi nào bà Thu B cần tiền thì nói trước hai tháng, ông M, bà C sẽ trả. Từ khi vay đến nay ông M, bà C không đóng lãi và cũng không trả vốn. Xét thấy việc vay mượn giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà C, ông M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi bà Thu B có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thời quyền lợi của bà. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa bà C đại diện ủy quyền cho bà C, ông M cũng thừa nhận là ông M, bà C có vay tiền của bà Thu B trong tất cả 04 lần với số tiền 190.000.000 đồng, trong thời gian vay bà C ông M có đóng lãi được 90.000.000 đồng, bà yêu cầu khấu trừ vào vốn, còn số tiền Bo nhiều thì ông M, bà C cũng đồng ý trả và chịu lãi theo quy định pháp luật từ ngày 22/6/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Bà Thu B cho rằng ông M, bà C, không đóng lãi và cũng không trả vốn như bà C trình bày. Mặt khác, xét thấy lời trình bày của bà C đại diện ủy quyền cho bà C, ông M không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh việc bà C, ông M có đóng lãi được 90.000.000 đồng, chỉ nói bằng lời nói. Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử nghĩ nên không chấp nhận lời trình bày của bà C đại diện ủy quyền cho bà C, ông M, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thu B, buộc bà C, ông M có nghĩa vụ trả cho bà Thu B số tiền vốn vay 190.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Tại phiên tòa bà Thu B xin rút lại không yêu cầu tính lãi suất. Do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên đình chỉ đối với yêu cầu này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Trần Thị C, ông Huỳnh Văn M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, nhưng ông bà có đơn xin miễn giảm án phí nên ông bà không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ:

Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26, 35, 39, 144, 147, 217, 235, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu B.

Buộc bà Trần Thị C, ông Huỳnh Văn M có nghĩa vụ trả cho Lê Thị Thu B số tiền vốn vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Lê Thị Thu B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Văn M, bà Trần Thị C có đơn xin miễn giảm án phí, nên ông bà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn